

GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY LIÊN KẾT VÙNG TRONG PHÁT TRIỂN VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM PHÍA NAM^(*)

TS. NGUYỄN TẤN VINH^(**)

Tóm tắt: Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có vị thế đặc biệt quan trọng đối với quá trình phát triển kinh tế của Việt Nam do có những lợi thế so sánh hơn hẳn các vùng khác trong cả nước. Tuy nhiên, Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam hiện nay vẫn chưa thực sự phát huy được vai trò đầu tàu kinh tế mà nguyên nhân chủ yếu là do tính liên kết vùng chưa cao. Bài viết tập trung phân tích những vấn đề đặt ra trong liên kết vùng, qua đó đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường khả năng liên kết vùng trong quá trình phát triển Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Từ khóa: liên kết vùng; cơ cấu kinh tế; quy hoạch; cơ chế

1. Dẫn nhập

Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (VKTTĐPN) bao gồm 8 tỉnh, thành phố: TP Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Bình Phước, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Long An và Tiền Giang. Diện tích tự nhiên toàn vùng trên 30 nghìn km², chiếm 9,2% diện tích cả nước. Dân số toàn vùng năm 2015 chiếm trên 21% dân số cả nước¹. Với không

gian kinh tế nằm trong khu vực Tiểu vùng sông Mekong - hành lang kinh tế phía Nam chạy từ thành phố Dawei của Myanmar qua Thái Lan, Campuchia tới cảng Vũng Tàu của Việt Nam, kết nối với Cộng đồng Kinh tế ASEAN, VKTTĐPN có tiềm năng liên kết kinh tế vùng ngày càng sôi động cũng như tiềm năng phát triển kinh tế trong tương lai.

VKTTĐPN luôn là đầu tàu trong tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Giai đoạn 2006 - 2016, VKTTĐPN có mức tăng trưởng kinh tế cao hơn mức tăng trưởng chung của cả nước (1,5 lần), chiếm hơn 40% GDP của cả nước, trên 40% giá trị kim ngạch xuất khẩu, đóng góp 60% ngân sách quốc gia² và thu hút hơn 50% tổng vốn đầu tư nước ngoài cả nước, nổi bật ở các tỉnh: Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu và TP Hồ Chí Minh. Năm 2015, TP Hồ Chí Minh dẫn đầu

^(*) Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học cấp Bộ: "Dịch chuyển cơ cấu kinh tế ngành tại Tứ giác phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu"

^(**) Học viện Chính trị khu vực II, Học viện CTQG Hồ Chí Minh

¹ Cục Thống kê, Niên giám thống kê năm 2015, HN, 2016

² Báo cáo tại Hội nghị Hội đồng vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nhiệm kỳ 2015-2016 ngày 12/8/2016 tại TP Hồ Chí Minh

với số vốn FDI đăng kí, đạt 2.811,7 triệu USD, chiếm 18% tổng vốn đăng kí cấp mới; Bình Dương đứng thứ ba với số vốn đăng kí đạt 2.465,8 triệu USD, chiếm 15,8%, tiếp sau đó là Đồng Nai có số vốn đăng kí đạt 1.471,9 triệu USD, chiếm 9,4%³.

Mỗi tỉnh, thành phố của VKTTĐPN đều có những đặc điểm về tự nhiên, kinh tế - xã hội khác biệt nhất định, tạo ra sự phân công lao động và thiết lập mối quan hệ giữa các tỉnh, thành với nhau. Đánh giá một cách khách quan, quá trình liên kết vùng của các địa phương trong VKTTĐPN bước đầu đã đạt **những kết quả cơ bản** sau:

- *Về phân công lao động*: Sự phân công lao động nội Vùng trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế ngày càng rõ nét hơn, các địa phương đã tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất công nghiệp. Điều này thể hiện ở quy mô, năng lực của các ngành công nghiệp hỗ trợ của Vùng không ngừng được mở rộng.

- *Về hoạt động xúc tiến đầu tư*: Nếu trước đây, mỗi địa phương mạnh ai nấy làm, gây cạnh tranh không lành mạnh, hiệu quả xúc tiến đầu tư không cao, thì hiện nay, hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại của Vùng được tổ chức hiệu quả hơn. Quan điểm mới trong xúc tiến đầu tư, đặc biệt là trong các chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia là liên kết các địa phương có sự tương đồng về vị trí địa lí, cơ hội đầu tư để cùng khai thác tối đa thế mạnh, tạo năng lực cạnh tranh cho kinh tế vùng. Từ đó đem lại cơ hội đầu tư cho Vùng, từ phát triển du lịch, dịch vụ lữ hành, khách sạn đến công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ trong các khu công nghiệp, dịch vụ logistics... cũng như cơ sở hạ tầng giao thông, đào tạo nguồn nhân lực.

- *Về giao thông*: Từng bước hình thành mạng lưới giao thông nội Vùng và liên vùng. Điều này đã đóng góp rất lớn vào khả năng

tăng trưởng kinh tế của từng địa phương cũng như toàn Vùng.

Nhờ những kết quả cơ bản trên, VKTTĐPN đã và đang là "đầu tàu" kéo nền kinh tế Việt Nam phát triển nhanh, hội nhập mạnh mẽ với nền kinh tế khu vực và thế giới. Thời gian vừa qua, trong VKTTĐPN đã tổ chức nhiều cuộc họp giao ban giữa các địa phương với nhau, đồng thời có sự tham gia của các cơ quan Trung ương. Tuy nhiên, các địa phương này chưa đưa ra được phương thức liên kết, dù địa phương nào cũng nhận thức được vai trò, vị trí của liên kết vùng. Xu hướng tâm lí phổ biến của các địa phương trong Vùng là khi tỉnh bạn có thì mình cũng phải có, vì sợ thua thiệt. Do vậy, vấn đề liên kết vùng của VKTTĐPN đang đặt ra các vấn đề cần giải quyết.

2. Những vấn đề đặt ra đối với liên kết vùng

Thứ nhất, thiếu cơ chế vận hành liên kết vùng

Có thể nói, sự thành lập các vùng kinh tế trọng điểm còn mang tính hình thức, hiệu quả hoạt động và sự ảnh hưởng đến phát triển vùng còn hạn chế.

Tuy VKTTĐPN đã được thành lập gần 20 năm, nhưng chưa có kế hoạch phát triển chung nào thật sự có giá trị ràng buộc các bên liên quan về cơ chế hợp tác, mới dừng lại ở quy hoạch tổng thể và cũng chưa có công trình khoa học nghiên cứu, đánh giá những tác động của VKTTĐPN đến các tỉnh thành viên, khu vực và cả nước.

Chính vì thiếu cơ chế tổ chức và điều hành Vùng đã dẫn đến tình trạng các tỉnh, thành phố cạnh tranh lẫn nhau trong nhiều vấn đề, chẳng hạn các địa phương thi nhau "phá rào" trong ưu đãi thu hút đầu tư. Chính sách của các địa phương còn mâu thuẫn nhau, dẫn tới sự kết hợp và liên kết thiếu chặt chẽ. Cạnh tranh không lành mạnh đã tự làm suy yếu chính mình, cạnh tranh với nhau và bỏ qua sự phân công lao động

³ Cục Thống kê, Niên giám thống kê năm 2015, HN. 2016

trong vùng, đặc biệt là sự sao chép mô hình phát triển của nhau, đầu tư dàn trải đã gây lãng phí nguồn lực.

Thứ hai, chất lượng quy hoạch phát triển các ngành còn thấp

Công tác quy hoạch và định hướng phát triển chung của Vùng còn chồng chéo, nguồn lực còn dàn trải theo hướng tạo ra các cơ cấu kinh tế khép kín cho mỗi địa phương. Hiện nay, các tỉnh, thành phố trong VKTTĐPN đang xây dựng quy hoạch phát triển cho riêng mình, chưa có “đầu nối” về cơ cấu kinh tế trong Vùng. Điều này dẫn đến hệ thống kinh tế Vùng rời rạc, lắp ghép cơ học, các ngành phát triển không có sự hỗ trợ cho nhau, nên “mặc sức” thu hút dự án đầu tư mà không định hướng tập trung hay ưu tiên đầu tư. Các khu công nghiệp gần như giống nhau, trong đó chủ yếu phát triển những ngành nghề truyền thống, như giày dép, dệt may..., còn những ngành có hàm lượng công nghệ cao, có tính lan tỏa, thúc đẩy sự phát triển kinh tế của Vùng thì hầu như không có hoặc không đáng kể. Khâu quy hoạch phát triển chung không đồng bộ khiến các khu công nghiệp cạnh tranh lẫn nhau mà không tạo điều kiện để hợp tác trong lĩnh vực thu hút vốn, sắp xếp ngành nghề. Trong khi đó, hệ thống dịch vụ hỗ trợ hoạt động sản xuất - kinh doanh chưa đáp ứng yêu cầu: điện chập chờn, cắt điện không báo trước, dịch vụ bưu chính viễn thông chậm, chi phí cao...

Nguyên nhân chính là không có quy hoạch tổng thể của Vùng và liên kết vùng trong phát triển các khu công nghiệp, dẫn tới không gian phát triển của các khu công nghiệp bị cắt khúc, phân đoạn bởi ranh giới địa lý hành chính. Một nguyên nhân khác phải kể đến là chưa có sự phối hợp, điều chỉnh tổng thể giữa các địa phương, ban ngành nên dẫn đến “tâm lý đám đông”. Trong các bản quy hoạch mà địa phương trình lên Chính phủ phê duyệt, đa số không bám theo quy hoạch Vùng và tham khảo địa phương

lân cận. Từ đó, dẫn đến tình trạng không có sự liên kết trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở cơ cấu kinh tế thống nhất, hiệu quả và bền vững của toàn Vùng.

Thứ ba, cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong VKTTĐPN vẫn mang tính tự phát

Cơ chế phối hợp, phương thức hợp tác của các địa phương trong Vùng chủ yếu là các cam kết, thỏa thuận, bản ghi nhớ, nên ràng buộc về mặt pháp lý giữa các nhà lãnh đạo với nhau không cao. Kế hoạch liên kết kinh tế chưa thực chất, vì vậy, chưa cho phép khai thác có hiệu quả lợi thế so sánh ở từng thành viên, để từ đó tạo “cộng hưởng” về lợi thế. Các chương trình phối hợp phát triển kinh tế chưa hướng tới lợi ích của Vùng. Nói cách khác, hiện nay, các địa phương trong VKTTĐPN chưa có cơ chế liên kết mang tính ràng buộc (giai đoạn đầu cần có hành lang pháp lý về cơ chế hợp tác vùng).

Để đạt được lợi ích cơ bản trong liên kết vùng thì các địa phương trong vùng cần khai thác tối đa nguồn lực của các địa phương khác để bổ sung, làm gia tăng lợi thế của nhau (lợi thế động); đồng thời, phát huy, sử dụng hiệu quả các tiềm năng sẵn có (lợi thế tĩnh), như cơ sở hạ tầng, sân bay, cảng nước sâu nhằm tăng khả năng sản xuất tối ưu. Vấn đề quyết định năng lực cạnh tranh không chỉ ở lợi thế tĩnh, mà còn ở việc tham gia chuỗi giá trị mang tính hiệu năng cao nhất, tức là tạo ra lợi thế động. Do vậy, cần có cơ chế phối hợp để khắc phục tình trạng triệt tiêu tiềm năng, lợi thế của nhau trong quá trình phát triển.

Ban Chỉ đạo điều phối phát triển các vùng kinh tế trọng điểm (được thành lập từ năm 2005) và tổ điều phối của các bộ, ngành Trung ương, các địa phương trong vùng còn hạn chế trong quá trình điều phối toàn vùng, chưa tạo ra cơ chế đối thoại, tham vấn giữa Trung ương - địa phương và các địa phương với nhau. Năm 2015, Hội

đồng Vùng được thành lập theo hình thức luân phiên. Tuy nhiên, các địa phương muốn thực hiện những chính sách chung hay khi phát sinh những vấn đề bất cập trong quan hệ kinh tế với nhau vẫn chưa thiết lập được kênh đối thoại hiệu quả. Ngay các cơ quan chức năng của các địa phương cũng gặp những khó khăn trong quan hệ trao đổi, khai thác chia sẻ thông tin cũng như những vấn đề nghiệp vụ. VKTTĐPN có lợi thế về khoa học - công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao, riêng TP Hồ Chí Minh đã tập trung gần 40% tổng số cán bộ khoa học của cả nước⁴, có điều kiện phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, từ đó hình thành trung tâm công nghiệp của cả nước. Tuy nhiên, quá trình phát triển công nghiệp VKTTĐPN gần như mang tính tự phát, sự phát triển yếu ớt của ngành công nghiệp phụ trợ đã minh chứng cho điều này. Chưa có liên kết mang tính chiến lược trong sự phát triển của VKTTĐPN.

Nguyên nhân của vấn đề này là do không gian kinh tế Vùng bị chia cắt, thu hẹp bởi địa giới hành chính. Đây chính là “điểm nghẽn” trong hình thành không gian kinh tế thống nhất. Sản phẩm thế mạnh của Vùng chưa được liên kết, lợi thế so sánh của từng địa phương chưa được phát huy, mà còn cạnh tranh cục bộ lẫn nhau. Về mặt quản lý, chưa có cơ chế liên kết hợp tác, điều phối vùng thực sự hiệu quả.

Thứ tư, phân công lao động xã hội nội Vùng chưa được xác lập

Phân công lao động trong VKTTĐPN không rõ ràng, thể hiện ngay trong khâu quy hoạch và chính sách phát triển của các địa phương, do đó chưa tạo thành chuỗi giá trị bền vững và hiệu quả của Vùng. Sự phân công lao động giữa các địa phương

trong Vùng không rõ ràng đã dẫn tới đầu tư trùng lặp, chồng chéo, nhưng lại có nhiều “lỗ hổng” trong cung cấp yếu tố sản xuất cho các ngành hoặc dư thừa công suất. Về lý thuyết, các chính quyền địa phương sẽ đóng vai trò tích cực, nhưng về căn bản, mỗi tỉnh đều có vai trò ngang nhau, khó có địa phương nào đóng vai trò “nhạc trưởng”, điều phối sự phát triển và phân bổ nguồn lực nếu không có sự phân công lao động xã hội. Trong các sản phẩm trao đổi, trừ dầu thô, thì sản phẩm công nghiệp ở VKTTĐPN hầu như tương tự nhau. Cơ bản vẫn là sản phẩm gia công (dệt, may, giày dép, lắp ráp điện tử...), khả năng cạnh tranh chưa cao, giá trị gia tăng thấp. Mạng lưới các ngành công nghiệp hỗ trợ trong vùng chưa phát triển, chưa tạo sự “kết dính”, liên thông với nhau trong hoạt động sản xuất - kinh doanh. Hệ quả của vấn đề này là VKTTĐPN chưa tạo ra được chuỗi giá trị sản xuất mang dấu ấn, đặc thù riêng trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế của mình.

Nguyên nhân do điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của các địa phương trong Vùng có điểm tương đồng, cơ cấu kinh tế và chính sách phát triển giống nhau, nhưng có “8 nền kinh tế” khác nhau về phương thức tăng trưởng dẫn đến sự kim hãm lợi thế của nhau, “giảm chân” lên nhau, tạo nên sự cạnh tranh không lành mạnh, thậm chí triệt tiêu lợi thế của nhau. Rõ ràng, khi phân công lao động chưa được xác lập thì chưa xuất hiện nhu cầu liên kết, phối hợp với nhau. Do đó, liên kết vùng để phát triển chưa trở thành nhu cầu để các địa phương hợp tác với nhau.

Thứ năm, việc phân bổ nguồn lực phát triển thiếu hợp lý

Việc phân bổ nguồn lực có ý nghĩa quan trọng. Đây là quá trình cân đối lại các nguồn lực suốt quá trình phát triển của Vùng trong dài hạn. Nó là một trong các nội dung quan trọng và là điều kiện cần thiết để bảo đảm

⁴ <http://tuoitre.vn/tin/kinh-te/20161223/vung-kinh-te-trong-diem-phia-nam-can-co-che-moi-de-dot-pha/1240993.html>

tính cân đối. Phân bổ nguồn lực hợp lý là cơ sở để thực hiện các mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế Vùng một cách có hiệu quả và bền vững. Tuy nhiên, thực tiễn phát triển ở VKTTĐPN cho thấy, việc huy động tổng hợp các nguồn lực phục vụ cho phát triển Vùng còn rời rạc, việc huy động còn mang tính khép kín ở từng địa phương. Điều này làm cản trở trong thực hiện chiến lược phát triển dài hạn của Vùng.

Mặt khác, năng lực tài chính giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng khác nhau, lại chưa có cơ chế huy động nguồn lực phát triển mang tính hệ thống. Điều này gây khó khăn trong việc thực hiện các dự án liên tỉnh và hàng loạt các vấn đề, như môi trường (ô nhiễm nghiêm trọng ở lưu vực sông Đồng Nai, Sài Gòn, Thị Vải). Bên cạnh đó, việc sử dụng tài nguyên nước, đất đai, nguồn lao động... chưa được thực hiện một cách hiệu quả do thiếu vốn đầu tư tập trung.

Nguyên nhân là do cách thức phân bổ nguồn lực từ Trung ương vẫn theo tiêu chuẩn địa phương, đặc biệt là phân bổ dự toán ngân sách nhà nước, nguồn lực tài chính được phân bổ đồng đều theo nhiệm vụ được giao và dự toán của các địa phương. Trong khi đó, nguồn lực của địa phương có giới hạn và gắn với mục tiêu ưu tiên cục bộ nên khó có thể hi sinh để thực hiện mục tiêu phát triển Vùng.

2. Giải pháp thúc đẩy liên kết vùng trong phát triển bền vững Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam - Mục tiêu, nguyên tắc liên kết vùng

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 252/QĐ-TTg ngày 13/2/2014 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát

⁵ Quyết định số 252/QĐ-TTg ngày 13/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, với các mục tiêu cụ thể như sau: VKTTĐPN sẽ phấn đấu mức tăng trưởng kinh tế từ nay đến năm 2020 xấp xỉ 8,5% (trong đó giai đoạn 2016 - 2020 từ 8,5 đến 9%), tới thời điểm năm 2020, GDP/người sẽ đạt 5.000 USD, giá trị xuất khẩu/đầu người là 5.400 USD, đóng góp khoảng 55-60% thu ngân sách của cả nước. Quy hoạch đến năm 2030, VKTTĐPN là vùng kinh tế phát triển năng động, đi đầu trong phát triển kinh tế tri thức; là vùng kinh tế động lực đầu tàu của cả nước, trung tâm kinh tế của khu vực và châu Á. Cụ thể, về kinh tế, phấn đấu tốc độ tăng trưởng GDP bình quân khoảng 8,0 - 8,5%/năm vào thời kỳ 2021-2030. GDP năm 2030 gấp khoảng 2,2 lần so với năm 2020⁵.

Để thực hiện được những mục tiêu này, các tỉnh thuộc VKTTĐPN nhất thiết phải liên kết chặt chẽ với nhau, nhằm tạo ra những chính sách đột phá, như thế mới có sự phối hợp nhịp nhàng để tập trung thu hút các dự án đầu tư phát triển các ngành có hàm lượng công nghệ cao, sản phẩm đặc trưng có lợi thế cạnh tranh dựa trên một cơ cấu kinh tế vùng hiệu quả và bền vững. Trong sự liên kết đó, các địa phương vẫn hoàn toàn phát huy thế mạnh riêng của mình mà không sợ ảnh hưởng đến quy hoạch chung. Vì vậy, cần thực hiện các giải pháp đồng bộ với những nguyên tắc cơ bản sau:

+ VKTTĐPN cần có cơ cấu kinh tế thống nhất, liên thông.

+ Kiên quyết phân bổ nguồn dựa trên lợi ích quốc gia và hiệu quả kinh tế - xã hội, xóa bỏ tư duy cục bộ địa phương hẹp hòi.

+ Phải xác định sứ mạng và vai trò của Vùng đối với khu vực Nam bộ, đối với cả nước và đối với khu vực Đông Nam Á.

+ Cơ chế điều phối hoạt động của VKTTĐPN không bị ràng buộc và chia cắt theo địa giới hành chính. Cơ chế, chính sách hoạt động phải bảo đảm sự phát triển thuận

lợi, thực hiện sứ mệnh đầu tàu dẫn dắt và lan tỏa đến các vùng kinh tế khác.

+ Thực hiện nghiêm kế hoạch hóa cấp vùng: chiến lược phát triển - quy hoạch - kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn.

+ Sớm có cơ chế quản lý kinh tế đặc thù.

- Giải pháp tăng cường liên kết vùng trong phát triển bền vững VKTTDPN

Một là, xây dựng cơ chế điều hành, phối hợp

Để việc phối hợp giữa các địa phương được thuận tiện và hiệu quả, Chính phủ cần xác lập cơ chế điều hành hiệu lực cho toàn Vùng. Chức năng chủ yếu của cơ chế này là phối hợp quy hoạch trên tầm nhìn toàn Vùng, từ đó xây dựng cơ cấu kinh tế liên thông dựa trên tiềm năng của Vùng và lợi thế của địa phương. Thực hiện các thương lượng về hợp tác và chia sẻ lợi ích, thiết lập và điều hành các quỹ tài chính của Vùng. Xây dựng khuôn khổ chính sách nhằm thúc đẩy các liên kết, hợp tác phát triển về đào tạo nguồn nhân lực, kết cấu hạ tầng, đầu tư, thương mại... Chính phủ cần yêu cầu các bộ, ngành Trung ương có sự hỗ trợ kết hợp, tạo điều kiện tốt hơn cho chính quyền địa phương. Cần có chính sách đất đai, thuế, đào tạo nguồn nhân lực, phát triển hạ tầng liên vùng. Thống nhất các chính sách kinh tế cho toàn Vùng, loại bỏ tình trạng các địa phương tự ý ban hành chính sách tràn lan như hiện nay. Kiên quyết xóa bỏ tình trạng các địa phương xin cơ chế riêng từ Trung ương để được hỗ trợ chính sách ưu đãi riêng. Sự hợp tác, phân công theo quy hoạch, xây dựng thương hiệu vùng. Vì vậy, việc vận động, phối hợp là rất quan trọng không chỉ đối với chính quyền mà đối với cả doanh nghiệp và người dân.

Hai là, nâng cao năng lực công tác quy hoạch vùng

Để khắc phục tình trạng “mạnh ai nấy làm” của các địa phương, cần có giải pháp đột phá về công tác quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế - xã hội của Vùng, quy hoạch

đó phải mang tính chất liên vùng, được thể hiện ở nội dung định hướng cơ cấu kinh tế, phát triển các ngành,... Chính quyền các địa phương trong Vùng cần tăng cường phối hợp với nhau và sớm có quy hoạch vùng dựa trên tính đặc thù của từng địa phương. Những nỗ lực của các tỉnh, thành phố đạt được hiệu quả cao nhất khi cơ chế phối hợp phát triển chung của toàn Vùng được thực thi hiệu quả trong bối cảnh cạnh tranh và hội nhập. Mỗi địa phương có lợi thế riêng về kinh tế - xã hội, do đó quy hoạch vùng phải gắn với những lợi thế riêng đó. Chẳng hạn, TP Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu có lợi thế về phát triển các ngành kinh tế hiện đại, hàm lượng khoa học - công nghệ cao cũng như phát triển các ngành công nghiệp chính yếu, trong khi các địa phương khác trong vùng lại có lợi thế về đất đai, lao động... có thể bổ sung lẫn nhau. Trong quy hoạch phát triển các ngành của Vùng phải hướng đến nội dung này, lúc đó các tỉnh lân cận không có lợi thế về công nghệ, vốn, nguồn nhân lực trình độ cao sẽ phát triển các ngành hỗ trợ, phục vụ cho các ngành chính yếu đòi hỏi quy mô các nguồn lực cao hơn. Quy hoạch phải mang tính hỗ trợ, tạo cộng hưởng về lợi thế hướng đến cơ cấu kinh tế bền vững và hiệu quả trên tầm nhìn toàn vùng. Nội dung quy hoạch cần tập trung trước tiên là về phát triển các ngành, về đào tạo nguồn nhân lực, hệ thống giao thông và bảo vệ môi trường.

Ba là, phát triển kết cấu hạ tầng nội vùng và liên vùng

Liên kết, hợp tác để đầu tư có hiệu quả các dự án kết cấu hạ tầng trên cơ sở quy hoạch chung mà Chính phủ đã phê duyệt. Cần phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ. Đây là điều rất cần thiết trong liên kết vùng theo quy hoạch và có sự phân công, nhất là phân công sản xuất. Liên kết vùng và phân công sản xuất phải đi đôi với nhau, từ đó các địa phương sẽ phát triển dựa trên

lợi thế so sánh của mình. Đây là vấn đề rất quan trọng, bởi nếu như vậy, thì kết cấu hạ tầng không có ranh giới hành chính. Cần có sự phối hợp và ưu tiên đầu tư xây dựng mạng lưới giao thông toàn Vùng, hệ thống cảng, bến bãi... hình thành trung tâm logistics đủ năng lực phục vụ quá trình phát triển kinh tế năng động của Vùng nhưng tránh lãng phí do đầu tư dàn trải, thừa công suất.

Để phát huy hiệu quả mạng lưới giao thông khi đã được đầu tư, thì các địa phương trong Vùng cần phối hợp chặt chẽ với nhau để đẩy nhanh tiến độ xây dựng hệ thống đường đồng bộ toàn tuyến. Điều này cần có sự thay đổi trong phân bổ nguồn vốn đầu tư giữa các địa phương một cách phù hợp.

Bốn là, liên kết vùng trong thu hút đầu tư và phát triển các ngành

Các thành viên trong Vùng nên tập trung đầu tư một số khu vực trọng tâm, tránh đầu tư dàn trải, thiếu khả thi và không hiệu quả. Cần có khu vực tập trung để chúng ta có sản phẩm hàng hóa lớn, nhất là sản phẩm phục vụ cho xuất khẩu và tiêu dùng nội địa. Phát huy lợi thế cạnh tranh là nhu cầu mới của các địa phương hiện nay. Cần phát triển, đa dạng hóa quy mô, loại hình doanh nghiệp, phát triển song song mô hình doanh nghiệp vừa và nhỏ; đồng thời, cần chú ý công nghệ và đầu ra. Không nên quá chú ý đến các ngành có quy mô lớn mà bỏ quên các ngành có quy mô nhỏ nhưng có khả năng cạnh tranh.

Quá trình thu hút các dự án đầu tư phải căn cứ vào quy hoạch phát triển vùng. Cần có những hoạt động liên kết trong xúc tiến đầu tư, tạo sức hấp dẫn chung đối với nhà đầu tư. Liên kết vùng để phát triển các ngành nhằm tạo ra chuỗi giá trị sản xuất - kinh doanh, từ chuỗi giá trị này sẽ cho phép các địa phương phát huy lợi thế, thúc đẩy quá trình tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Đặc biệt là hình thành được các ngành kinh tế chủ lực có quy mô và năng

lực cạnh tranh cao. Chủ động xây dựng các chính sách liên kết nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển công nghiệp hỗ trợ một cách có hiệu quả.

Năm là, thúc đẩy hợp tác trong bảo vệ môi trường sinh thái

Cần có sự phối hợp giữa các địa phương trong cải thiện và bảo vệ môi trường. Sự phát triển nhanh về công nghiệp của Vùng có tác động rất lớn đến khả năng chịu đựng cũng như làm giảm thiểu chức năng điều hòa tự nhiên của hệ thống sông, ngòi trong Vùng. Do đó, cần xác định những nội dung và dự án cần phối hợp trên quy mô toàn Vùng để có cách xử lý tối ưu gắn liền với các sông chính, như sông Sài Gòn, Đồng Nai, Vàm Cỏ Đông... Xây dựng cơ chế giám sát trong hoạt động bảo vệ môi trường hiệu quả, nâng cao nhận thức của cộng đồng, đặc biệt là các doanh nghiệp về xử lý rác, nước thải nguy hại đến môi trường tự nhiên. Cụ thể như sau:

+ Xây dựng, rà soát quy hoạch cấp, thoát nước trên toàn Vùng, đặc biệt là các khu vực đô thị, khu vực tập trung các khu công nghiệp, khu chế xuất. Đối với một số tỉnh sử dụng nguồn nước mặt cần tính đến việc ảnh hưởng của môi trường nước do việc xử lý chưa tốt nước thải của các khu công nghiệp. Cải tạo hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, giải quyết dứt điểm tình trạng ngập úng tại các đô thị, đặc biệt là TP Hồ Chí Minh gắn liền với các sông chính trong Vùng.

+ Nghiên cứu xây dựng các khu vực chứa chất thải, các nhà máy xử lý chất thải tập trung cho các đô thị, chọn vị trí thích hợp trên địa bàn Vùng.

+ Cần có sự hợp tác giữa khu công nghiệp với các tỉnh (Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước) trong việc điều tiết nguồn nước ở hồ Trị An, hồ Dầu Tiếng, bảo đảm nguồn và chất lượng nước các nhà máy cấp nước, phòng, chống úng ngập các vùng ven sông.

Có cơ chế hợp tác trong kiểm tra, giám sát, hạn chế ô nhiễm, bảo vệ môi trường và nguồn nước mặt, nước ngầm □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ThS. Nguyễn Văn Quang, *Nghiên cứu giải pháp phát triển ngành công nghiệp Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam theo hướng bền vững*, Viện Nghiên cứu phát triển TP Hồ Chí Minh, 2008

2. TS. Trần Du Lịch, *Định hướng chuyển dịch cơ cấu nội bộ các ngành kinh tế Vùng*

kinh tế trọng điểm phía Nam, Viện Nghiên cứu phát triển TP. Hồ Chí Minh, 2004

3. Quyết định số 252/QĐ-TTg ngày 13/02/2014 về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

4. Tổng cục Thống kê, Niên giám thống kê năm 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015

5. Báo cáo tại Hội nghị Hội đồng vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nhiệm kỳ 2015-2016 vào ngày 12/8/2016 tại TP Hồ Chí Minh

ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH DỊCH CHUYỂN...

(tiếp trang 72)

tiềm năng của từng tỉnh; đẩy mạnh cải cách hành chính, hoàn thiện môi trường kinh doanh nhằm tạo lập môi trường đầu tư cạnh tranh, có sức hấp dẫn cao; tăng cường đầu tư xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, đồng bộ và đi trước một bước.

Năm là, mở rộng hợp tác, liên kết vùng trong đẩy mạnh dịch chuyển CCKT

Thời gian tới, các tỉnh thuộc Tứ giác phát triển cần chủ động phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với các bộ, ngành và các tỉnh trong khu vực. Là hạt nhân của vùng Đông Nam bộ nói riêng và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nói chung, Tứ giác phát triển phải hình thành các ngành kinh tế mũi nhọn, chủ lực tạo thành các cực tăng trưởng nhằm tạo ra các tác động lan tỏa thúc đẩy các ngành khác phát triển (kinh nghiệm của Đồng Nai, Đà Nẵng). Thực hiện lựa chọn các ngành, các sản phẩm phù hợp với từng địa phương và trong từng giai đoạn nhằm tạo ra các sản phẩm mũi nhọn, ngành mũi nhọn, địa phương mạnh đóng vai trò "đầu tàu" kéo theo sự phát triển của các sản phẩm, ngành

và địa phương khác.

Ngoài ra, đẩy mạnh sự hợp tác, liên kết giữa các địa phương trong và ngoài Tứ giác đối với quá trình xúc tiến đầu tư, huy động và phân bổ nguồn lực, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Hợp tác nội vùng ở tất cả các ngành, lĩnh vực trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh và bổ sung thế mạnh của từng địa phương. Điều này rất cần thiết và là tiền đề để đẩy nhanh việc chuyển dịch CCKT ngành ở Tứ giác phát triển theo hướng đồng bộ và hiệu quả □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thống kê TP Hồ Chí Minh, Niên giám thống kê từ năm 2005 đến năm 2015

2. Cục Thống kê Đồng Nai, Niên giám thống kê từ năm 2005 đến năm 2015

3. Cục Thống kê Bình Dương, Niên giám thống kê từ năm 2005 đến năm 2015

4. Cục Thống kê Bà Rịa - Vũng Tàu, Niên giám thống kê từ năm 2005 đến năm 2015

5. <http://vov.vn/kinh-te/vung-kinh-te-trong-diem-phia-nam-tu-tin-voi-ki-vong-phat-trien-588619.vov>